

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-PT

Ngày 14 - 3 - 2023

“T/c yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLPT- DS ngày 19 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp *“Yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐ- PT ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Dung K, nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức A, địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Trị, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/02/2023), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Quang B, nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Bá Nhật B, thuộc Văn phòng Luật sư Lê Bá Khánh; địa chỉ: 6A/106 T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Công chứng tỉnh Quảng Trị (nay là Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị); địa chỉ: 40 Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bạch Y (vợ ông B), nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Anh Đoàn Quang D (con ông B và bà Y), nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Đoàn Quang B (con ông B và bà Y), nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Đoàn Thị Mỹ H (con ông B và bà Y), nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Đoàn Thị Thu N (con ông B và bà Y), nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Đoàn Thị Thu N (con ông B và bà Y), nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Hồ Viết K, cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Ông Nguyễn N, cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Võ Thị H, cư trú tại: Thôn E, xã F, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Dương Dung K, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Dương Dung K trình bày:

Bà Dương Thị P, sinh năm 1919 không có chồng, con, là cô thúc bá của ông Dương Dung K, có thửa đất đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O866391 ngày 12/4/1999 cho hộ Dương Thị P, diện tích 1.585m², tại xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Ngày 16/5/2011, bà P lập di chúc để lại cho ông Dương Dung K thửa đất nói trên, di chúc được Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị công chứng số 889, quyển số 01, TP/CCSCC/HĐGD. Di chúc có 02 người làm chứng là ông Hồ Viết K, sinh năm 1953 là Trưởng khu vực 8, làng Dương Lộc, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị và ông Nguyễn N, sinh năm 1955, cư trú tại Khu vực 8, làng Dương Lộc, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 06/01/2022, bà P mất, Ông K muốn thực hiện các nội dung liên quan đến di chúc thì phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 866391 đang được Ông Đoàn Quang B chiếm giữ. Ông K đã nhiều lần yêu cầu ông B trả lại

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm các thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất nhưng ông B từ chối. Vì vậy, Ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc hợp pháp đối với di chúc do bà Dương Thị P lập ngày 16/5/2011, được Văn phòng công chứng tỉnh Quảng Trị công chứng số 889, quyển số 01, TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Buộc Ông Đoàn Quang B trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 886391 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/1999 mang tên Dương Thị P.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Dương Dung K xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022, nguyên đơn yêu cầu buộc Ông Đoàn Quang B trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 0886391 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/1999 mang tên Dương Thị P nay xin thay đổi: Buộc Ông Đoàn Quang B trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 643445 do UBND huyện C cấp ngày 29/6/2018 mang tên Dương Thị P.

Bị đơn Ông Đoàn Quang B trình bày:

Bà Dương Thị P là di ruột của Ông Đoàn Quang B. Quá trình sinh sống, bà P sống cùng với bố mẹ, khi bố mẹ mất thì bà P sống một mình không có chồng con, khi mất thì ông B đứng ra tổ chức tang lễ.

Về nguồn gốc và tài sản là thửa đất có diện tích 771,0m², đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 643445 ngày 29/6/2018 cho hộ Dương Thị P, do ông bà ngoại ông B để lại, hiện Giấy này bà P đã giao cho ông B giữ. Từ trước tới nay, ông B chưa hề nghe bà P nói về chuyện di chúc cũng như giao tài sản cho ai. Ông B không hiểu vì lý do nào Ông K lại có văn bản di chúc do bà P để lại tài sản của bà P là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 866391 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/4/1999 cho hộ Dương Thị P và cho rằng ông B là người đang giữ giấy này và yêu cầu ông B trả lại giấy này cho Ông K thì ông B không giữ nên Ông K khởi kiện không đúng đối tượng. Ông B cho rằng nếu bà P là người để lại di chúc thì Ông K là người nắm giữ mọi giấy tờ chứ không có chuyện ông B đang giữ. Vì vậy, ông B đề nghị làm rõ các vấn đề sau: Thứ nhất, khi Ông K đi công chứng thì căn cứ vào đâu để văn phòng công chứng tỉnh Quảng Trị công chứng. Thứ hai, xác minh lại chữ ký của bà P vì bà P không biết chữ, thời điểm công chứng đã 92 tuổi. Thứ ba, xem xét lại việc công chứng văn bản di chúc có đúng theo quy định của pháp luật hay không?

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị trình bày: Việc lập di chúc tại nơi ở của bà Dương Thị P (tại xã B, huyện C) nhưng lời chứng phải được ghi tại trụ sở vì lý do Công chứng viên không thể mang theo con dấu một cách tùy tiện, trái với quy định về công tác quản lý con dấu và việc công chứng phải thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng. Người làm chứng ký ngày 15/5/2011 nhưng lập di chúc ngày 16/5/2011: Di chúc của bà Dương Thị P được xác nhận chữ ký ngoài trụ sở vào ngày 15/5/2011 nhưng khi thực hiện công chứng đã hết giờ hành chính và được chuyển

sang ngày hôm sau. Tuy nhiên, công chứng viên có sai sót lẽ ra phải ghi vào trang đầu tiên của di chúc “*Hôm nay, ngày 15/5/2011, tại xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị*” nhưng đã ghi nhầm ngày 16/5/2011. Tại thời điểm lập di chúc, bà Dương Thị P là người hoàn toàn minh mẫn và đọc chữ một cách bình thường nhưng bà không ký được, do đó, bà đã điểm chỉ vào di chúc theo quy định của pháp luật

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bạch Y, anh Đoàn Quang D, anh Đoàn Quang B, chị Đoàn Thị Mỹ H, chị Đoàn Thị Thu N và chị Đoàn Thị Thu N: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên không có bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và cũng không đến tham gia các phiên hoà giải theo giấy triệu tập hợp lệ của Toà án.

Với những nội dung trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị; đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 652, 656, khoản 2 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Dung K.

- Không công nhận di chúc do bà Dương Thị P lập ngày 16/5/2011, được Phòng công chứng tỉnh Quảng Trị công chứng số 889, quyển số 01, TP/CC-SCC/HĐGD là di chúc hợp pháp.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Ông Đoàn Quang B trả lại cho ông Dương Dung K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CI 643445 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/6/2018 mang tên bà Dương Thị P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 10/10/2022, nguyên đơn ông Dương Dung K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút kháng cáo. Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Y và chị Như trình bày ý kiến giống bị đơn. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Dương Thị P chết ngày 06/01/2022, ngày 10/6/2022, ông Dương Dung K khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của bà Dương Thị P lập ngày 16/5/2011 hợp pháp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp*” quy định khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật. Đồng thời, ông Dương Dung K khởi kiện yêu cầu buộc Ông Đoàn Quang B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Dương Thị P mà ông B đang chiếm giữ, đây là tranh chấp “*Đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Quang Duy, anh Đoàn Quang Bình, chị Đoàn Thị Mỹ Hạnh, chị Đoàn Thị Thu Nga và chị Đoàn Thị Thu Như; Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Duy, anh Bình, chị Hạnh và chị Nga vắng mặt không có lý do; Phòng Công chứng số 1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xem xét hình thức, nội dung Bản di chúc lập ngày 16/5/2011:*

Ngày 16/5/2011, tại xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, bà Dương Thị P lập di chúc cho người được hưởng toàn bộ di sản là ông Dương Dung K sau khi bà P qua đời. Di sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 886391 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/1999 mang tên Dương Thị P. Nội dung của di chúc đã được bà Bùi Thị Hải Hà- Công chứng viên Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị đọc, bà Dương Thị P nhất trí và điểm chỉ vào di chúc, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị công chứng số 889, quyển số 01, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/5/2011. Kèm theo di chúc là bản viết tay của người làm chứng đề ngày 15/5/2011, có chữ ký của ông Hồ Viết K và ông Nguyễn N có nội dung: “...*Sau khi đã nghe toàn bộ tờ di chúc của bà Dương Thị P để lại cho ông Dương Dung K, tôi hoàn toàn nhất trí làm chứng và ký tên. Tôi cam đoan nội dung trên là đúng sự thật*”.

Di sản tại thời điểm bà P lập di chúc là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 886391 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/1999 mang tên Dương Thị P. Tại thời điểm cấp đất, hộ bà P chỉ có bà P là chủ hộ và là thành viên duy nhất, không thể hiện thêm thành viên nào khác, không có ai là người có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống cùng chung hộ với bà P. Căn cứ Văn bản số 3196/UBND-TN ngày 30/9/2022 của UBND huyện C cung cấp: Sau khi đo đạc, lập bản đồ địa chính mới thì thửa đất số 177, tờ bản đồ số 5 được đo đạc thành thửa số 1110, tờ bản đồ số 4 và bà P đã thực hiện việc cấp đổi, đã được

UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 643445 ngày 29/6/2018 mang tên Dương Thị P.

Xác định ngày lập di chúc và ngày công chứng 16/5/2011, thì Văn bản số 135/TP-PCC1 ngày 15/8/2022 của Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị đã thể hiện: Do di chúc lập tại chỗ ở nhưng lời chứng phải được ghi tại trụ sở vì lý do Công chứng viên không thể mang theo con dấu một cách tùy tiện; người làm chứng ký ngày 15/5/2011 nhưng lập di chúc ngày 16/5/2011, di chúc được xác nhận chữ ký ngoài trụ sở vào ngày 15/5/2011 nhưng khi thực hiện công chứng đã hết giờ hành chính và được chuyển sang ngày hôm sau nhưng do công chứng viên có sai sót lẽ ra phải ghi vào trang đầu tiên của di chúc ngày 15/5/2011, nhưng đã ghi nhầm ngày 16/5/2011.

Người làm chứng ông Hồ Viết K và ông Nguyễn N đều trình bày: Ngày 15/5/2011, Ông K đến mời ông Kính và ông Năm đến nhà ở của bà P để nhờ làm chứng về việc bà P lập di chúc để lại tài sản của bà là quyền sử dụng đất cho người cháu là ông Dương Dung K, thời điểm đó, bà P đã 92 tuổi nhưng hoàn toàn minh mẫn, nói năng rành mạch, nguyện vọng của bà P để lại tài sản là quyền sử dụng đất cho Ông K là đúng sự thật, bà P nói rõ ràng tại buổi làm chứng như vậy.

Những người hàng xóm của bà P gồm ông Nguyễn Bảy, bà Nguyễn Thị Hồng cũng xác nhận: Việc bà P nhờ ông Kính và ông Năm làm chứng về việc lập di chúc để lại tài sản cho Ông K là đúng sự thật và cả xóm ai cũng biết sự việc này. Bà Hồng nhà ở sát nhà bà P thường xuyên lui tới nhà bà P nên hay nghe bà P nói giao lại đất đai cho cháu là Ông K.

Như vậy, nội dung thể hiện trong lời làm chứng của ông Hồ Viết K và ông Nguyễn N vào ngày 15/6/2011 và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp, đều thừa nhận nội dung của di chúc thể hiện ý chí, nguyện vọng của bà P muốn để lại tài sản là quyền sử dụng đất cho Ông K là cháu của Bà. Tuy nhiên, do Công chứng viên có sự nhầm lẫn về ngày thể hiện phần đầu của bản di chúc là vi phạm nhưng không làm thay đổi bản chất sự việc; mặt khác bà P không có con cái, bà con gần gũi, ông B tự nhận là cháu gọi bà P bằng dì ruột nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh về thông tin, hộ khẩu của bà P tại Công an huyện C cũng như tại chính quyền địa phương đều thể hiện bà P không có anh, chị em ruột, chứng tỏ ông B không có quan hệ bà con gần gũi với bà P. Ngôi nhà của bà P hiện nay đang thờ cúng bố mẹ bà P và bà P, Ông K đang trực tiếp trông coi nên việc bà P muốn để lại tài sản cho cháu là Ông K phù hợp với đạo lý, phong tục của người Việt Nam.

Do đó, xác định Di chúc lập ngày 16/5/2011, là di chúc bằng văn bản có người làm chứng, tại thời điểm lập di chúc, bà P đã già yếu nên Công chứng viên lập tại chỗ ở. Hình thức và nội dung của Di chúc hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 650; khoản 2 Điều 658 và Điều 661 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông K, công nhận Bản di chúc lập ngày 16/5/2011 là hợp pháp.

[2.2] Di chúc bà P để lại quyền sử dụng đất cho Ông K. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét tại chỗ thì trên phần đất có ngôi nhà của bà P, nên cho rằng trong di chúc không có ngôi nhà là vi phạm một phần về nội dung. Nhận định này của cấp sơ thẩm là không chính xác vì tài sản trong di chúc phân nào thì người được hưởng tài sản theo di chúc được nhận phần đó.

[2.3] Đối với việc giám định dấu vân tay của bà Dương Thị P trên Di chúc: Quá trình cấp sơ thẩm giải quyết, các bên đương sự không yêu cầu giám định, tuy nhiên Tòa án thấy cần thiết nên yêu cầu giám định và cung cấp mẫu so sánh cho cơ quan giám định dấu vân tay trên tờ khai chứng minh nhân dân của bà Dương Thị P là “ngón trỏ trái” để so sánh với dấu vân tay trong di chúc là “ngón trỏ phải” nên dẫn đến kết quả giám định không đủ yếu tố giám định, trường hợp này, cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm để tránh chi phí cho đương sự.

[2.4] Xem xét yêu cầu bị đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại thời điểm bà P lập di chúc để lại quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 886391 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/1999 mang tên Dương Thị P. Năm 2018, bà P đã thực hiện việc cấp đổi, đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 643445 ngày 29/6/2018 mang tên Dương Thị P. Thấy rằng, diện tích đất ở và đất vườn được cấp đổi hoàn toàn thuộc thửa đất mà bà P đã lập di chúc để lại cho Ông K. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 643445 ngày 29/6/2018 mang tên bà Dương Thị P, ông B thừa nhận đang cất giữ, hành vi của ông B đã xâm phạm quyền của Ông K đối với tài sản, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông B phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông Dương Dung K.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp thuận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.800.000 đồng; chi phí giám định 1.000.000 đồng. Yêu cầu của ông Dương Dung K được Tòa án chấp nhận nên Ông Đoàn Quang B phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Ông K đã tạm nộp để chi phí và Ông K tự nguyện chịu chi phí giám định nên ông B phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền xem xét tại chỗ 1.800.000 đồng cho Ông K.

[5] Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Dung K; sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 646; khoản 2 Điều 650; khoản 3 Điều 652, Điều 656, khoản 2 Điều 658 và Điều 661 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 161 và khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Dung K.

- Công nhận Di chúc do bà Dương Thị P lập ngày 16/5/2011, được Phòng công chứng tỉnh Quảng Trị công chứng số 889, quyển số 01, TP/CC-SCC/HĐGD là di chúc hợp pháp.

- Buộc Ông Đoàn Quang B có nghĩa vụ trả lại cho ông Dương Dung K bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 643445 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/6/2018 mang tên Dương Thị P.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Ông Đoàn Quang B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Dương Dung K chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc Ông Đoàn Quang B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Dương Dung K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000184 ngày 15/6/2022 và số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000282 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS h. C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán thành viên **Thẩm phán- Chủ tọa**

Nguyễn Thị Thu Hà Lê Thiết Hùng **Đoàn Thị Kim Thương**

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

THẨM

Nơi nhận:

TOÀ

- TAND tỉnh QT;
- VKSND huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Hương

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN

Nguyễn Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Điều 39. Địa điểm công chứng

1. Việc công chứng phải được thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Việc công chứng có thể được thực hiện ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.

Điều 40. Chữ viết trong văn bản công chứng

1. Chữ viết trong văn bản công chứng phải rõ ràng, dễ đọc, không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, không được viết xen dòng, viết đề dòng, không được tẩy xóa, không được để trống, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Thời điểm công chứng phải được ghi cả ngày, tháng, năm; có thể ghi giờ, phút nếu người yêu cầu công chứng đề nghị hoặc công chứng viên thấy cần thiết. Các con số phải được ghi cả bằng số và chữ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 41. Ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng

1. Người yêu cầu công chứng, người làm chứng phải ký vào văn bản công chứng trước mặt công chứng viên.

Trong trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác đã đăng ký chữ ký mẫu tại tổ chức hành nghề công chứng thì người đó có thể ký trước vào hợp đồng; công chứng viên phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện việc công chứng.

2. Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong văn bản công chứng trong các trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký. Khi điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, người làm chứng sử dụng ngón trỏ phải; nếu không điểm chỉ được bằng ngón trỏ phải thì điểm chỉ bằng ngón trỏ trái; trường hợp không thể điểm chỉ bằng hai ngón trỏ đó thì điểm chỉ bằng ngón khác và phải ghi rõ việc điểm chỉ đó bằng ngón nào, của bàn tay nào.

3. Việc điểm chỉ cũng có thể thực hiện đồng thời với việc ký trong các trường hợp sau đây:

- a) Công chứng di chúc;
- b) Theo đề nghị của người yêu cầu công chứng;
- c) Công chứng viên thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho người yêu cầu công chứng.

Điều 42. Việc ghi trang, tờ trong văn bản công chứng

Văn bản công chứng có từ hai trang trở lên thì từng trang phải được đánh số thứ tự. Văn bản công chứng có từ hai tờ trở lên phải được đóng dấu giáp lai giữa các tờ.

Điều 48. Công chứng di chúc

1. Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu công chứng di chúc; không ủy quyền cho người khác yêu cầu công chứng di chúc.

2. Trường hợp công chứng viên nghi ngờ người lập di chúc bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình hoặc có căn cứ cho rằng việc lập di chúc có dấu hiệu bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép thì công chứng viên từ chối công chứng di chúc đó hoặc theo đề nghị của người lập di chúc tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định.

Trong trường hợp tính mạng người lập di chúc bị đe dọa thì người yêu cầu công chứng không phải xuất trình đầy đủ giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật này nhưng phải ghi rõ trong văn bản công chứng.

3. Di chúc đã được công chứng nhưng sau đó người lập di chúc muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể yêu cầu bất kỳ công chứng viên nào công chứng việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ đó. Trong trường hợp di chúc trước đó đang được lưu giữ tại một tổ chức hành nghề công chứng thì người lập di chúc phải thông báo cho tổ chức hành nghề công chứng đó biết việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc.

